| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN TIÊN LÃNG**<br>**THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 11/2020/HNGĐ - ST
Ngày: 26 - 5 - 2020
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN LÃNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Văn Chỉnh.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

Ông Nguyễn Văn Nhòng.

Ông Vũ Đình Bảng.

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Ngô Thị Ngọc Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lãng tham gia phiên tòa***: Ông Phạm Văn Nguyện – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 249/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2019 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 11/5/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 19xx; địa chỉ: Thôn 2 A T, xã T, huyện Thái Thuy, tỉnh Thái Bình; có đơn xin vắng mặt.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 19xx; địa chỉ: Thôn X, xã Đ, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng; có mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày: Chị L và anh Nguyễn Văn T tự nguyện xây dựng gia đình với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đại Thắng, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 48 ngày 18/9/2008.

Quá trình chung sống: Sau khi kết hôn, vợ chồng hòa thuận đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng có tính cách, lối sống không hợp nhau nên vợ chồng thường xuyên xung đột, va chạm với nhau. Mâu thuẫn

ngày càng căng thẳng dẫn đến vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị L xác nhận: Tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, không còn khả năng đoàn tụ nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Ngọc A, sinh ngày 02/02/2009 và Nguyễn Hải B, sinh ngày 29/11/2010. Ly hôn, chị L nhận nuôi cháu Ngọc Anh, giao cháu Bình cho anh T nuôi, việc cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị L xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai, đơn đề nghị bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày: Anh T thống nhất với chị L về điều kiện, thời gian kết hôn, về nguyên nhân mâu thuẫn cũng như về con chung và tài sản chung. Anh T xác nhận hiện tại vợ chồng đã sống ly thân từ nhiều năm nay, không quan tâm đến nhau nữa, nay chị L có đơn xin ly hôn thì anh T đồng ý.

Về con chung: Anh T nhận nuôi cháu Nguyễn Hải B, sinh ngày 29/11/2010, giao cháu Nguyễn Thị Ngọc A, sinh ngày 02/02/2009 cho chị L nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh T xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tiến hành xác minh tại địa phương và gia đình, kết quả cho thấy: Chị L và anh T tự nguyện xây dựng gia đình với nhau có đăng ký kết hôn theo luật định, đến nay vợ chồng có 02 con chung. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, khoảng 02 năm nay vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi.

Tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Văn T vẫn giữ ý kiến đã trình bày tại Toà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lãng phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Tòa án đã thụ lý vụ án đúng theo quy định của pháp luật, từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử, thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật.

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của đương sự và các tài liệu Tòa án thu thập đã thể hiện mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nay chị L có yêu cầu ly hôn, anh T cũng đồng ý. Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Căn cứ vào các Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của các bên, giao con chung Nguyễn Thị Ngọc A, sinh ngày 02/02/2009 cho chị L nuôi dưỡng, giao con chung Nguyễn Hải B, sinh ngày 29/11/2010 cho anh T nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí ly hôn theo luật định.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị L có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Nguyễn Văn T có nơi ĐKNKTT: Thôn Xuân Cát, xã Đại Thắng, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng.

[2] Về thủ tục tố tụng tại Tòa: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Việc kết hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn T tuân thủ đúng quy định tại Điều 8; Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên là hôn nhân hợp pháp.

Xét mâu thuẫn giữa chị L và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nay chị L có yêu cầu được ly hôn với anh T, anh T nhất trí lý hôn. Căn cứ vào các Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

[4] Về con chung: Vợ chồng có có 02 con chung là Nguyễn Thị Ngọc A, sinh ngày 02/02/2009 và Nguyễn Hải B, sinh ngày 29/11/2010. Ly hôn chị L nhận nuôi cháu Ngọc Anh, giao cháu Bình cho anh T nuôi, anh T nhất trí với chị L. Xét, việc giao con cho mỗi người nuôi một con theo yêu cầu của các bên là phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh chăm sóc nuôi dạy con, phù hợp với nguyện vọng của con cũng như các quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của các bên. Giao con chung Nguyễn Thị Ngọc A, sinh ngày 02/02/2009 cho chị L nuôi dưỡng, giao con chung Nguyễn Hải B, sinh ngày 29/11/2010 cho anh T nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con, hai bên không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị L và anh T đều xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thị Ngọc A, sinh ngày 02/02/2009 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi; giao con chung Nguyễn Hải B, sinh ngày 29/11/2010 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền này chị L đã nộp đủ theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0011659 ngày 03 tháng 12 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng.

- Về quyền kháng cáo:

Anh Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Chị Nguyễn Thị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

- Về quyền yêu cầu thi hành án: Trường hợp quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- VKSND huyện Tiên Lãng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiên Lãng;
- Các đương sự;
- UBND xã Đ, huyện Tiên Lãng;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Văn Chỉnh**